

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM N17KDN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

MÃ MÔN:

QUẢN TRỊ HỌC

Tin chỉ: 3

TÊN MÔN:

PHI 2161

Học kì: 2

Ngày thi: 26/12/2012

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
					10%				30%	60%	100%		
(1)	(2)	(3)				1	1		(10)				
1	1713219820	Cung Đình	An	N17KDN1	8	6	7		6.5	7.9	7.5	Bảy phẩy Năm	
2	1713219821	Lê Đình	An	N17KDN1	6	5	7		6.0	6.4	6.2	Sáu phẩy Hai	
3	1712219828	Nguyễn Văn	Anh	N17KDN1	9	8	8		8.0	8.4	8.3	Tám phẩy Ba	
4	1712219829	Trần Thị	Bé	N17KDN1	7	7	8		7.5	5.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
5	1712219834	Nguyễn Thị Thủy	Chung	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
6	1713219835	Lê Hùng	Cường	N17KDN1	7	5.5	7		6.3	5.1	5.7	Năm phẩy Bảy	
7	1712219841	Hồ Thị	Dung	N17KDN1	9	6	8		7.0	7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	
8	1712219840	Đậu Thị Thủy	Dung	N17KDN1	10	6.6	9		7.8	6.2	7.1	Bảy phẩy Một	
9	1712219844	Mai Thị	Dương	N17KDN1	8	6	8		7.0	6.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
10	1712219847	Cao Thị Minh	Giang	N17KDN1	8	6.5	7		6.8	6.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
11	1712219851	Lê Nguyễn Mỹ	Hạnh	N17KDN1	10	8.8	9		8.9	7.4	8.1	Tám phẩy Một	
12	1713219852	Trần Hữu	Hậu	N17KDN1	7	5	7		6.0	6.2	6.2	Sáu phẩy Hai	
13	1712219857	Vương Thị Yến	Hồng	N17KDN1	9	5.6	8		6.8	6.8	7.0	Bảy	
14	1713219864	Trần Văn	Lộc	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
15	1713219869	Nguyễn Anh	Minh	N17KDN1	8	6	7		6.5	5.6	6.1	Sáu phẩy Một	
16	1713219874	Nguyễn Nghiêm Đại	Nghĩa	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
17	1712219877	Phạm Thị Hồng	Nhung	N17KDN1	9	9	8		8.5	6.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
18	1712219878	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	N17KDN1	6	5.2	5		5.1	5.8	5.6	Năm phẩy Sáu	
19	1713219879	Phạm Thanh	Phong	N17KDN1	8	6.6	7		6.8	5	5.8	Năm phẩy Tám	
20	1712214750	Lê Văn Thiện	Phước	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
21	1712219882	Tạ Nhật Minh	Phương	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
22	1712219886	Nguyễn Thị Ánh	Sáng	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
23	1713219889	Đinh Chí	Thảo	N17KDN1	8	7	7		7.0	6.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
24	1712219897	Phạm Thị Anh	Thương	N17KDN1	8	6.5	8		7.3	5.6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
25	1712219900	Cao Thị Thanh	Thủy	N17KDN1	9	5.6	8		6.8	6.8	7.0	Bảy	
26	1712219903	Hồ Thị Thủy	Tiên	N17KDN1	9	5.6	8		6.8	7	7.1	Bảy phẩy Một	
27	1712219907	Nguyễn Lê Quỳnh	Trang	N17KDN1	8	5.2	8		6.6	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
28	1713219911	Nguyễn Ngọc	Tú	N17KDN1	8	8.4	8		8.2	7	7.5	Bảy phẩy Năm	
29	1713219917	Nguyễn Quốc	Việt	N17KDN1	5	7	5		6.0	6	5.9	Năm phẩy Chín	
30	1712219825	Trần Thị Kim	Anh	N17KDN1	10	7.5	9		8.3	7.4	7.9	Bảy phẩy Chín	
31	1712219823	Đỗ Thị Yến	Anh	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
32	1712219830	Nguyễn Ngọc	Bích	N17KDN1	10	6.9	5		6.0	5.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
33	1713219832	Trần Minh	Cang	N17KDN1	8	5.7	7		6.4	5.6	6.1	Sáu phẩy Một	
34	1712219833	Ngô Thị Lan	Chi	N17KDN1	10	6.5	8		7.3	6	6.8	Sáu phẩy Tám	
35	1713219842	Nguyễn Việt	Dũng	N17KDN1	6	7.2	7		7.1	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
36	1713219854	Đặng Trung	Hiếu	N17KDN1	8	5.8	7		6.4	5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
37	1713219858	Nguyễn Ngọc	Hùng	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
38	1712219861	Mai Nguyễn Hoài	Linh	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
39	1713219867	Lê Vũ	Lương	N17KDN1	6	5.1	7		6.1	5.4	5.7	Năm phẩy Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM N17KDN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

MÃ MÔN:

QUẢN TRỊ HỌC

Tín chỉ: 3

TÊN MÔN:

PHI 2161

Học kì: 2

Ngày thi: 26/12/2012

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1713219870	Lưu Ngọc	Minh	N17KDN1	9	5.8	7			6.4	5	5.8	Năm phẩy Tám	
41	1712219873	Võ Thị Quỳnh	Ngân	N17KDN1	10	6.6	8			7.3	7.4	7.6	Bảy phẩy Sáu	
42	1712219875	Nguyễn Thị	Nhi	N17KDN1	9	5	5			5.0	5.3	5.6	Năm phẩy Sáu	
43	1712219880	Phạm Thị Ánh	Phúc	N17KDN1	8	8.9	7			8.0	7.2	7.5	Bảy phẩy Năm	
44	1712219885	Lê Thị Thu	Sang	N17KDN1	8	6.9	8			7.5	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
45	1712219888	Nguyễn Thị Bích	Thành	N17KDN1	9	5.9	9			7.5	7.2	7.5	Bảy phẩy Năm	
46	1712219890	Nguyễn Thị Nam	Thảo	N17KDN1	10	7.8	9			8.4	7.4	8.0	Tám	
47	1713219891	Võ Nguyễn Minh	Thiên	N17KDN1	6	5.5	8			6.8	6.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
48	1712219893	Phạm Thị Ánh	Thu	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
49	1712219901	Bùi Thị	Thủy	N17KDN1	9	6.4	8			7.2	6.5	7.0	Bảy	
50	1712219902	Nguyễn Thị Thu	Thủy	N17KDN1	8	5.9	8			7.0	6	6.5	Sáu phẩy Năm	
51	1712219910	Lê Thị Mỹ	Trình	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
52	1712219914	Hồ Thị Ánh	Tuyết	N17KDN1	10	6.1	8			7.1	6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
53	1712219915	Nguyễn Thị Hồng	Vân	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
54	1713219919	Phan Thanh	Vũ	N17KDN1	5	5	5			5.0	5.2	5.1	Năm phẩy Một	
55	1712219819	Ngô Thị	Ái	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
56	1713219824	Nguyễn Hồng	Anh	N17KDN2	8	6.3	5			5.7	6	6.1	Sáu phẩy Một	
57	1713219837	Nguyễn Anh	Đức	N17KDN2	7	6.9	8			7.5	V	0.0	Không	
58	1713219836	Phan Minh Giác	Đức	N17KDN2	9	10	7			8.5	5.9	7.0	Bảy	
59	1713219838	Nguyễn Minh	Đức	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
60	1712219839	Trần Thị Thanh	Dung	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
61	1712219846	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	N17KDN2	8	5.5	8			6.8	5.6	6.2	Sáu phẩy Hai	
62	1712219850	Bùi Diễm	Hằng	N17KDN2	8	6.8	5			5.9	5.6	5.9	Năm phẩy Chín	
63	1712219855	Hồ Khánh	Hòa	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
64	1713219856	Trần Nhật	Hoàng	N17KDN2	7	5.6	8			6.8	V	0.0	Không	
65	1712219859	Lê Phan Thùy	Hương	N17KDN2	7	5.3	7			6.2	5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
66	1713219865	Đinh Hoàng	Long	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
67	1712219868	Phạm Thị Nhã	Mân	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
68	1712219872	Trần Thị	Nga	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
69	1712219881	Phí Thị Minh	Phương	N17KDN2	6	5	7			6.0	3.8	0.0	Không	
70	1713219887	Nguyễn Văn	Sơn	N17KDN2	7	7	5			6.0	4.4	0.0	Không	
71	1713114743	Nguyễn Hà Công	Thành	N17KDN2	8	5.4	7			6.2	2.7	0.0	Không	
72	1712219892	Nguyễn Thị Kim	Thoa	N17KDN2	8	6.9	8			7.5	5.2	6.2	Sáu phẩy Hai	
73	1712219895	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
74	1712219896	Nguyễn Thị	Thương	N17KDN2	10	7.1	8			7.6	6.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
75	1713219906	Phan Thanh	Toàn	N17KDN2	9	6.7	7			6.9	5	6.0	Sáu	
76	1712219908	Nguyễn Thị	Trang	N17KDN2	7	6.4	6			6.2	5.2	5.7	Năm phẩy Bảy	
77	1713219913	Hoàng Minh	Tuấn	N17KDN2	7	6.5	6			6.3	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
78	1712219916	Nguyễn Thị Thanh	Vân	N17KDN2	10	8.7	9			8.9	6.6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
79	1712219921	Nguyễn Thị Thảo	Vy	N17KDN2	8	6.6	6			6.3	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
80	1712219923	Cao Như	Ý	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG GHI ĐIỂM N17KDN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

MÃ MÔN:

QUẢN TRỊ HỌC

Tín chỉ: 3

TÊN MÔN:

PHI 2161

Học kì: 2

Ngày thi: 26/12/2012

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
81	1712219924	Lương Thị Như Ý	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
82	1713219822	Nguyễn Hồng Ân	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
83	1712219826	Trần Tình Quỳnh	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
84	1713219827	Trần Thế Anh	N17KDN2	5	5.7	6			5.9	5	5.3	Năm phẩy Ba	
85	1712219831	Phạm Thị Bốn	N17KDN2	10	6.7	8			7.4	6.1	6.9	Sáu phẩy Chín	
86	1713219843	Phạm Hoài Dương	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
87	1713219845	Trần Duy	N17KDN2	9	6.3	5			5.7	5.2	5.7	Năm phẩy Bảy	
88	1712219848	Phạm Trần Thu Hà	N17KDN2	7	6.6	7			6.8	5.2	5.9	Năm phẩy Chín	
89	1712219849	Vương Mỹ Hằng	N17KDN2	7	5.4	7			6.2	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
90	1712219853	Nguyễn Thị Thúy Hiền	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
91	1712219860	Đinh Thị Thu Hương	N17KDN2	3	7	7			7.0	5.2	5.5	Năm phẩy Năm	
92	1713219862	Phạm Vũ Linh	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
93	1712219863	Võ Thị Mỹ Linh	N17KDN2	10	7.3	7			7.2	5.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
94	1712219866	Đỗ Thị Hiền Lương	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
95	1712219871	Nguyễn Thị Trúc My	N17KDN2	8	6.5	8			7.3	5.2	6.1	Sáu phẩy Một	
96	1712219876	Huỳnh Nguyễn Hoài Như	N17KDN2	8	6.2	7			6.6	5.2	5.9	Năm phẩy Chín	
97	1712219883	Phạm Thị Phương	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
98	1713219884	Lê Viết Hoàn Sang	N17KDN2	6	5.3	5			5.2	5	5.2	Năm phẩy Hai	
99	1712219894	Võ Thị Hoài Thu	N17KDN2	10	7.7	8			7.9	5.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
100	1712219898	Đậu Thị Thu Thúy	N17KDN2	10	7.8	8			7.9	6	7.0	Bảy	
101	1712219899	Trần Thị Thùy	N17KDN2	7	5.3	8			6.7	V	0.0	Không	
102	1712219904	Trần Lê Thùy Tiên	N17KDN2	7	6.3	5			5.7	5.3	5.6	Năm phẩy Sáu	
103	1713219905	Nguyễn Tấn Toàn	N17KDN2	8	6.7	5			5.9	3.6	0.0	Không	
104	1713219909	Lê Quang Trí	N17KDN2	3	5.5	5			5.3	3.7	0.0	Không	
105	1713219912	Nguyễn Lê Anh Tú	N17KDN2	8	5.9	8			7.0	2.8	0.0	Không	
106	1713219918	Phạm Thanh Việt	N17KDN2	4	5.5	6			5.8	5.2	5.3	Năm phẩy Ba	
107	1712219920	Nguyễn Thị Thúy Vy	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
108	1713219922	Phan Nhật Vỹ	N17KDN2	7	5.9	5			5.5	V	0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	68	63%	
2	Số sinh viên nợ	40	37%	
TỔNG CỘNG :		108	100%	

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú